

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14- 7 - 2022.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thiện Phán

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Hồng Hà.

2. Ông Dương Văn Ngạn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **N. T. O**, sinh năm 1990;

ĐKKH: thôn H. H, xã C. Đ , huyện C.G, tỉnh H. D.

Nơi cư trú: thôn M.T, xã C. Đ , huyện C. G, tỉnh H. D. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **N. H. N**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: thôn H. H, xã C. Đ, huyện C. G, tỉnh H. D. (Vắng mặt)

* *Người làm chứng:*

- Ông N. H. T, sinh năm 1962; bà L. T. H, sinh năm 1964; Vắng mặt.

Đều cư trú: thôn H. H, xã C. Đ, huyện C. G, tỉnh H. D.

- Bà V. T. B, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: thôn M. T, xã C. Đ, huyện C. G, tỉnh H. D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N. T. O trình bày:

Chị và anh N. H. N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Đ, huyện C. G, tỉnh H. D vào ngày 15/3/2011; sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã C. Đ, huyện C. G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng mấy tháng đầu đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không chịu khó tu chí làm ăn, ham chơi dẫn đến nợ nhiều người. Nhiều lần chị O lựa lời khuyên bảo anh từ bỏ những thói quen xấu đó để chịu khó làm ăn, chăm lo vun vén cho gia đình nhưng anh cũng chỉ hứa hẹn sau đó làm theo ý thích của bản thân; chị có nói thì anh chửi mắng, tỏ thái độ khó chịu, có những lời lẽ xúc phạm đối với chị. Từ năm 2014 đến năm 2020 chị O đi lao động ở nước ngoài; trong thời gian này vợ chồng cũng rất ít liên lạc, anh N có liên lạc với chị cũng chỉ hỏi về kinh tế chứ không có sự quan tâm, chia sẻ gì về công việc và cuộc sống của chị. Thông qua người thân chị còn nắm bắt ở nhà anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị cũng chỉ biết khuyên bảo anh từ bỏ, nhờ người thân can thiệp. Đến tháng 10/2020 chị O về nước nhưng vợ chồng cũng không chung sống cùng nhau, anh N không tìm đón chị về đoàn tụ. Chị cũng ngồi lại cùng anh để tháo gỡ mâu thuẫn cũng như nhờ gia đình hai bên đứng ra khuyên bảo, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng cũng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M. T, xã C. Đ, huyện C. G, tỉnh H. D sống; trong thời gian vợ chồng sống ly thân không có liên lạc hay tìm biện pháp hàn gắn tình cảm, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xác định tình cảm không còn, vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống nên chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N để sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là N. B. N, sinh ngày 30/11/2011, hiện đang ở cùng với chị O. Nếu ly hôn chị O xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, về nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh N.H. N. đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của những người thân trong gia đình anh N.H. N. (ông N. H. T, bà L. T. H.- bố, mẹ đẻ anh N) đều khẳng định: Tại thời điểm này anh Ng. H. N. vẫn có đăng ký thường trú và cư trú tại thôn H. H , xã C. Đ, huyện C. G, tỉnh H. D . Anh N biết việc Tòa án đã thụ lý vụ án và giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị O thông qua việc ông Th giao trực tiếp cho anh Thông báo thụ lý của Tòa án và giấy triệu tập nhưng anh đã trốn tránh, không chấp hành các quy

định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại gia đình anh, Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Cẩm Điền và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng theo quy định pháp luật. Tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải anh N đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh N và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2022 và ngày 23/5/2022, ông Ng. H. Th và bà L. T.H (bố, mẹ đẻ anh N) trình bày: Anh N và chị O tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C.Đ , huyện C. G , tỉnh H. D vào năm 2011. Trong cuộc sống chung vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không chịu khó làm ăn, mãi chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Nhiều lần gia đình đã khuyên giải anh chị nhưng không có kết quả. Ông bà cho biết hiện anh N đang làm ăn tại tỉnh Quảng Ninh, thỉnh thoảng có về nhà và gọi điện liên lạc với ông bà bằng số máy 0374.672.501, anh N cũng không nói cho ông bà biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc. Khi trao đổi về việc chị O làm đơn xin ly hôn với anh, anh có nói với ông là việc ly hôn là ở cô O , tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, còn anh cũng không đến Tòa án để giải quyết.

Quan điểm của bà V. Th. B là mẹ đẻ chị O trình bày: Anh N và chị O được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng vào năm 2011. Sau khi kết hôn anh chị cùng nhau sinh sống tại xã C. Đ , huyện C. G . Trong cuộc sống chung giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không chịu khó làm ăn còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không nghe dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân được 02 năm, chị O về ở với ông bà. Từ khi chị O về ở với ông bà, anh N cũng không tìm đón chị đoàn tụ, nay chị O làm đơn xin ly hôn với anh N bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C. Đ và khu dân cư nơi anh N sinh sống cung cấp: Anh N và chị O kết hôn hợp pháp, có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C. G xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị N.

T. O được ly hôn anh N. H. N . *Về quan hệ con chung*: Giao cho chị N. T. O tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là N. B. N , sinh ngày 30/11/2011 đến khi thành niên; chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh N. H. N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H. H , xã C . Đ , huyện C. G , tỉnh H. D . Chị O có đơn khởi kiện anh N . Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ anh N , niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS nhưng anh N đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp của anh N được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh N .

Quá trình giải quyết vụ án: Chị O đã có lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án và chị O có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N , chị O .

[2]. Về nội dung vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N. T. O và anh N. H. N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Đ , huyện C. G vào năm 2011, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng mấy tháng đầu đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không chịu khó lao động, mãi chơi bời, không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con. Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị O phù hợp với lời trình bày của ông T , bà H , bà B và đại diện chính quyền địa phương. Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị không thực

hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N. T. O được ly hôn anh N. H. N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là N. B. N , sinh ngày 30/11/2011, hiện đang ở cùng với chị O . Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con của chị O là chính đáng, chị có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở và thu nhập để nuôi con, hiện nay con đang được học tập ổn định còn anh N không có nghề nghiệp ổn định, thường đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc con bằng chị, mặt khác con chung có nguyện vọng được ở với chị. Nên xét giao con chung cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo tính ổn định và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đối với việc chị O tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, thấy rằng hiện nay chị O có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho con chung nên sự tự nguyện của chị phù hợp pháp luật. Do đó không buộc anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị Ng. T. O phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 40; Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N. T. O ;

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị N. T. O được ly hôn anh N. H. N .

- *Về quan hệ con chung*: Giao cho chị N. T. O trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là N. B. N , sinh ngày 30/11/2011 đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị đến khi thành niên.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị O .

- *Về án phí*: Chị N. T. O. phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị O. đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số

AA/2020/0002206 ngày 18/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Thông báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng (đề ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thiện Phán

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thiện Phán

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thiện Phán

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thiện Phán